

Số: **05** /2018/TT-BNV

Hà Nội, ngày **09** tháng **5** năm 2018

THÔNG TƯ

**Quy định mã số chức danh nghề nghiệp viên chức
Âm thanh viên, Phát thanh viên, Kỹ thuật dựng phim, Quay phim
thuộc chuyên ngành Thông tin và Truyền thông**

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công chức – Viên chức;

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư quy định mã số chức danh nghề nghiệp viên chức Âm thanh viên, Phát thanh viên, Kỹ thuật dựng phim, Quay phim thuộc chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.

Điều 1. Mã số chức danh nghề nghiệp viên chức Âm thanh viên, Phát thanh viên, Kỹ thuật dựng phim, Quay phim thuộc chuyên ngành Thông tin và Truyền thông

1. Chức danh Âm thanh viên

- | | |
|---------------------------|------------------|
| a) Âm thanh viên hạng I | Mã số: V11.09.23 |
| b) Âm thanh viên hạng II | Mã số: V11.09.24 |
| c) Âm thanh viên hạng III | Mã số: V11.09.25 |
| d) Âm thanh viên hạng IV | Mã số: V11.09.26 |

2. Chức danh Phát thanh viên

- | | |
|-----------------------------|------------------|
| a) Phát thanh viên hạng I | Mã số: V11.10.27 |
| b) Phát thanh viên hạng II | Mã số: V11.10.28 |
| c) Phát thanh viên hạng III | Mã số: V11.10.29 |
| d) Phát thanh viên hạng IV | Mã số: V11.10.30 |

3. Chức danh Kỹ thuật dựng phim

- | | |
|-------------------------------|------------------|
| a) Kỹ thuật dựng phim hạng I | Mã số: V11.11.31 |
| b) Kỹ thuật dựng phim hạng II | Mã số: V11.11.32 |

c) Kỹ thuật dựng phim hạng III Mã số: V11.11.33

d) Kỹ thuật dựng phim hạng IV Mã số: V11.11.34

4. Chức danh Quay phim

a) Quay phim hạng I Mã số: V11.12.35

b) Quay phim hạng II Mã số: V11.12.36

c) Quay phim hạng III Mã số: V11.12.37

d) Quay phim hạng IV Mã số: V11.12.38

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Nội vụ để xem xét, giải quyết. /s/

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương các đoàn thể;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng và các Cục, Vụ, tổ chức thuộc Bộ;
- Trang thông tin điện tử của Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, Vụ CCVC.

BỘ TRƯỞNG



Lê Vĩnh Tân